TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ – ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2021
V/v: *"Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T TỈNH PHÚ THỌ

- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hồng Đào và ông Nguyễn Đức Nghị.
- Thư ký phiên tòa: Ông Tân Khải Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Đinh Xuân Tiệp – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 93/2021/TLST- HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/9/2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 01 ngày 20/9/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Chị Sa Thị H**, sinh năm 1991 (có đơn xin xét xử vắng mặt);
Nơi đăng ký NKTT: Khu G, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ;
Nơi ở hiện tại: Xóm Ch, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.
- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H*: Ông Bùi Đức D – Trợ giúp viên thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ. (có mặt)
- *Bị đơn*: **Anh Quyền Văn S**, sinh năm 1989 (có mặt);
Trú tại: Khu G, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/8/2021 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Sa Thị H trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ngày 15/9/2016, chị và anh Quyền Văn S đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, chị và anh S cùng sinh sống tại khu G, xã T. Hai bên chung sống với nhau trong thời gian khoảng 02 (hai) tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Tháng 11/2016, chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để ở, kể từ thời điểm đó đến nay hai bên đã sống ly thân.

Gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T, cho chị được ly hôn anh S.

- *Về con chung:* Chị và anh S chưa có con chung.

- *Về chia tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng:* Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, anh Quyền Văn S trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Việc kết hôn, thời gian chung sống, mâu thuẫn vợ chồng và việc ly thân như chị H trình bày là đúng. Anh đã cùng với gia đình hai bên cố gắng Hn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng chị H cương quyết trốn tránh.

Năm 2017, anh đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho anh ly hôn chị H, nhưng do gia đình chị H không cung cấp địa chỉ nơi ở của chị nên anh chưa đủ điều kiện để khởi kiện vụ án. Năm 2019, gia đình anh cũng nhận được giấy báo của Tòa án về việc chị H xin ly hôn anh, nhưng thời điểm đó anh đang làm ăn ở xa nên không về để giải quyết vụ án được.

Tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị H, nên không đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Anh và chị H chưa có con chung;

- *Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tình trạng hôn nhân của chị H và anh S để chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị H được ly hôn anh S.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đã chấp Hnh là đúng quy định của pháp luật;

- *Về nội dung giải quyết vụ án:* Chị H và anh S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng, hai bên không hòa thuận, hạnh phúc đã ly thân nhau từ cuối năm 2016 đến nay, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh S là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh S. Về con chung: Chưa có, nên không xem xét, giải quyết. Đối với quan hệ về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp, Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này. Về án phí dân sự, chị H là nguyên đơn nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về trình tự, thủ tục tố tụng: Chị Sa Thị H có đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ cho chị xin ly hôn với anh Quyền Văn S. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện T xét xử vắng mặt Nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh S trước khi kết hôn có thời gian tự nguyện tìm hiểu. Ngày 15/9/2016, hai bên đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, chị H và anh S chung sống với nhau được hơn 02 (hai) tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Việc này được cả Nguyên đơn và Bị đơn đều xác nhận. Chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ và sau đó đi làm ăn từ cuối năm 2016 đến nay. Chị H và anh S ly thân kể từ thời điểm đó, và hai bên không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh S nữa nên chị H xin ly hôn để giải phóng cho nhau.

Phía anh S, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh thừa nhận: Anh và chị H mới chung sống là vợ chồng cùng nhau trong một thời gian ngắn thì có xảy ra mâu thuẫn, và chị H đã tự ý bỏ đi khỏi nhà anh. Trong thời gian vợ chồng sống ly

thân anh S đã nhiều lần đến gia đình chị H để xin đón chị về nhưng chị tránh mặt. Anh xác định vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị H nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy, yêu cầu xin đoàn tụ của anh S là chính đáng. Tuy nhiên, xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị H từ khi kết hôn đến nay tình cảm vợ chồng đã có nhiều rạn nứt. Thể hiện là việc, năm 2017 anh S đã làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện T cho anh được ly hôn với chị H, nhưng do gia đình chị H không cung cấp địa chỉ nơi ở của chị nên anh chưa đủ điều kiện để khởi kiện vụ án. Năm 2019, gia đình anh cũng nhận được giấy báo của Tòa án về việc chị H xin ly hôn, nhưng thời điểm đó anh đang làm ăn ở xa nên không về để giải quyết vụ án được. Như vậy, trong thời kỳ hôn nhân, bản thân hai người đã mong muốn được ly hôn, nhưng do một số điều kiện ngoại cảnh tác động nên anh, chị chưa thực hiện được thủ tục ly hôn tại Tòa án.

Bên cạnh đó, cả anh và chị đều thừa nhận vợ chồng ly thân từ cuối năm 2016 đến nay, và kể từ thời điểm đó hai bên chấm dứt không còn mối liên hệ nào với nhau. Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Căn cứ vào quy định được viện dẫn nêu trên xác định một trong những nghĩa vụ cơ bản của vợ chồng là phải cùng chung sống, yêu thương, quan tâm,chăm sóc nhau. Tuy nhiên, anh S, chị H đều khẳng định kể từ thời điểm ly thân, anh, chị không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, san sẻ, chăm sóc nhau. Như vậy, quyền và nghĩa vụ nhân thân trong quan hệ giữa vợ và chồng của anh, chị không được đảm bảo như mục đích cao cả mà quy định của pháp luật hướng đến nhằm gắn kết mối quan hệ vợ chồng.

Mặt khác, như anh S đã trình bày, mọi nỗ lực Hn gắn từ anh và gia đình đều không được chị H chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án chị H giữ nguyên quan điểm là đề nghị xin được ly hôn, chỉ anh S có nguyện vọng xin đoàn tụ. Tại khoản 1, khoản 3 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về các nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân đã xác định hôn nhân phải dựa trên *"sự tự nguyện, tiến bộ"*, các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ *"tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau"*. Việc một bên trong quan hệ hôn nhân cố gắng xin đoàn tụ không thỏa mãn được nguyên tắc do pháp luật đề ra.

Để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh S, Tòa án đã tiến hành làm việc với đại diện chính quyền địa phương, khu dân cư nơi anh S và chị H thường trú được biết: Chị H và anh S có thời gian chung sống rất ngắn, sau đó, chị H chuyển khỏi nH anh S, không có mặt tại địa phương từ đó đến nay. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh S xác nhận vợ chồng chưa có con chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Nguyên đơn, Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vụ án trong phạm vi khởi kiện. Do đó, khi chị H, anh S có yêu cầu thì anh, chị có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ, việc khác theo quy định pháp luật.

2.4. Về án phí: Chị H là Nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

2.5.Về quyền kháng cáo: Anh S và chị H có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

2.6. Đề nghị của Kiểm sát viên và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn phù hợp, được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 57 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu của chị Sa Thị H. Cho chị Sa Thị H được ly hôn anh Quyền Văn S.
2. *Về con chung:* Chị H và anh S chưa có con chung.

3. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng*: Không xem xét, giải quyết trong vụ án này.
4. *Án phí dân sự sơ thẩm:* Chị Sa Thị H phải nộp 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai số: AA/2019/0003156 ngày 03/8/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Phú Thọ. Nay được chuyển thành án phí.
5. *Về quyền kháng cáo:* Anh S được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- THADS huyện T;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai